

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2025/DS-PT

Ngày 04 - 6 - 2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Thúy Linh

Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Lý Thị L, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số I, D, đường C, Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1950. Địa chỉ: Số H, đường C, Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số C, đường C, Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ông Tống Xuân L1, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số D Lô A, đường T, Khóm A, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1930

2. Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1966

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh K: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1930.

Cùng địa chỉ: Hẻm F, đường C, Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1936;
2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1970;
3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976;
4. Bà Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1979;
5. Ông Nguyễn Thanh H (tên gọi khác: Đ), sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Hẻm F, đường C, Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Bà Lý Thị L; Bà Lê Thị C; Bà Phạm Thị D; Ông Tống Xuân L1 là nguyên đơn.

(Bà L, bà C, bà V, ông T, ông H có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 trình bày: Các nguyên đơn sử dụng diện tích tại các thửa đất số 84, 51, tờ bản đồ số 60; thửa đất số 62, 384, tờ bản đồ số 09 cùng tại Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu cùng tiếp giáp với mương thoát nước công cộng được thể hiện tại bản đồ địa chính năm 1994 và năm 2006 và thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ bà Lý Thị L, bà Lê Thị C và ông Trần Thanh T1 (ông Trần Thanh T1 được cấp quyền sử dụng đất thửa 62, tờ bản đồ số 09 vào ngày 20/4/2001 và thửa 384, tờ bản đồ số 09 vào ngày 13/4/2001 và 02 thửa đất này đều chuyển nhượng cho bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 vào ngày 18/3/2016).

Quá trình sử dụng bà Lý Thị L được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/7/2021 diện tích 168,6m², thửa 84, tờ bản đồ 60; bà Lê Thị C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/4/2022 diện tích 224,9m², thửa 51, tờ bản đồ 60. Đồng nguyên đơn xác định đã bị ông Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Thanh K lấp mương công cộng, không có đường thoát nước gây cản trở quyền sử dụng đất của các nguyên đơn, nên bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh K chấm dứt hành vi cản trở và trả lại mương thoát nước có diện tích ngang một đầu khoảng 5,9m, một đầu ngang 6,3m và dài 27,5m, tổng diện tích khoảng 173,25m², tại các thửa đất 20, 22, 23, 24, tờ bản đồ số 60 tại Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các nguyên đã được cấp tại Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T cũng là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh K trình bày: Nguồn gốc đất này là do cha của ông là ông Nguyễn Văn R

(chết năm 2003) mua lại của người khác vào năm 1966, đến năm 1972 thì cho lại cho ông là Nguyễn Thanh T, UBND thị xã B cấp quyền sử dụng đất vào ngày 08/9/2002 tại thửa đất số 73-1 và 73-2, tờ bản đồ 09, diện tích 1.583,2m² tại Phường E, thành phố B, cho hộ ông Nguyễn Thanh T (nay là thửa 82, tờ bản đồ 60 (bản đồ lập năm 2016)). Vào thời điểm khoảng năm 2008, ông Nguyễn Văn L2 là em thứ 8 của ông có làm đường nước để lòi lúa trên đất của ông, gia đình ông cũng đều sử dụng đường nước này được vài năm thì không sử dụng nữa (sau này không xài nên để thoát nước mà bà L, bà C, bà D và ông L1 tranh chấp hiện nay). Do bà con trong xóm không có đường đi nên ông chừa 03m cắt ngang thửa đất làm lối đi chung, nên vào năm 2002 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất bị cắt ngang (nay là đất tranh chấp) có một đầu ngang 5m, một đầu ngang 3,5m, chiều dài một cạnh 15m, một cạnh 16m. Đồng thời năm 2000, em trai ông là ông Nguyễn Văn T2 chuyển nhượng cho Nguyễn Văn K1 (trong Giấy chuyển nhượng là Nguyễn Văn T3) phần đất có chiều dài khoảng 5m, chiều ngang khoảng 4m, phần đất này con ông là Nguyễn Văn K1 chưa làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất, phần đất này nối liền với đất của ông (cũng là đất đang tranh chấp), trước đây là đất trũng, do các hộ bà C, bà L, bà D, ông L1 không có đường thoát nước, nên ông mới cho thoát nước nhờ lên đất của ông, không phải là đất công cộng, ông cũng nhiều lần đổ đất nên đất này đã bằng phẳng; cả hai phần đất này nay là thửa 82, tờ bản đồ 60 (bản đồ lập năm 2016); phần đất ông đã san lấp làm 02 lần, không nhớ là bao nhiêu khối đất và ông cũng không yêu cầu phần đất đã san lấp trong vụ án.

Đến khi Nhà nước làm lộ tráng xi măng, ông có yêu cầu dịch chuyển con lộ lùi về phía nhà ông và Nhà nước chỉ làm con lộ ngang khoảng 1,5m (so với trước đây là 3m), nên hiện tại phần đất tranh chấp có diện tích lớn hơn so với thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do con ông tên Nguyễn Thanh K không có nhà ở, nên ông tặng cho Nguyễn Thanh K phần đất tại thửa 82, tờ bản đồ 60 để cất nhà và làm thủ tục sang tên cho K thì các hộ bà C, bà L, bà D, ông L1 tranh chấp gây khó khăn cho ông. Các yêu cầu của bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh K chấm dứt hành vi cản trở và trả lại đường thoát nước có diện tích ngang một đầu khoảng 5,9m, một đầu ngang 6,3m và dài 27,5m, tổng diện tích khoảng 173,25m², tại các thửa đất 20, 22, 23, 24, tờ bản đồ số 60 tại Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu là vô lý và không có căn cứ, vì đất của gia đình ông, các hộ bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 hiện nay Nhà nước đã làm công thoát nước phía trước nhà trên đường C, nên những hộ này thoát nước về phía trước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thanh H trình bày: Thống nhất như trình bày của ông Nguyễn Thanh T, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị D2, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Thúy N: Vắng mặt.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 yêu cầu ông là Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Thanh K chấm dứt hành vi cản trở và trả lại mương thoát nước có diện tích ngang một đầu khoảng 5,9m, một đầu ngang 6,3m và dài 27,5m, tổng diện tích khoảng 173,25m², tại các thửa đất 20, 22, 23, 24, tờ bản đồ số 60 tại Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc và định giá: Các nguyên đơn bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 phải chịu là 14.317.000 đồng. Bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 đã nộp xong và đã chi hết.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 tháng 10 năm 2024, các nguyên đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông T, ông K và gia đình tháo dỡ hàng rào bao chiếm mương công cộng làm riêng để trả lại mương Nhà nước theo hiện trạng ban đầu ngang khoảng 1,5m x dài 26m tại thửa 82 tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại Khóm C, Phường E, thành phố B; Buộc ông T, ông K chấm dứt hành vi ngăn cản các ông bà thoát nước ra mương công cộng; buộc gia đình ông T, ông K không đập phá đường ống thoát nước của gia đình bà D hiện đang thoát ra công thoát nước của Nhà nước phía sau nhà bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy Bản dân sự sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của các nguyên đơn bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 nộp trong thời hạn luật định và được xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào các Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Tống Xuân L1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị D2, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Thúy N có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét kháng cáo của các nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông T, ông K và gia đình tháo dỡ hàng rào bao chiếm nương công cộng để trả lại nương Nhà nước theo hiện trạng ban đầu ngang khoảng 1,5m x dài 26m tại thửa 82 tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại Khóm C, Phường E, thành phố B; Buộc ông T, ông K chấm dứt hành vi ngăn cản các ông bà thoát nước ra nương công cộng; buộc gia đình ông T, ông K không đập phá đường ống thoát nước của gia đình bà D hiện đang thoát ra cống thoát nước của Nhà nước phía sau nhà bà D, nhận thấy:

[2.1] Theo Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B lập ngày 10/01/2024 thì các phần diện tích đất tại Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, có tổng diện tích 135,1m², trong đó:

Phần đất tranh chấp giữa bà Lê Thị C với ông Nguyễn Thanh T, diện tích 52,6m² (hiện trạng ông T đang sử dụng) có: phần đất thuộc giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DĐ251523 cấp cho bà Lê Thị C ngày 14/4/2022 tại thửa 51, tờ số 60, diện tích 0,1m²; phần đất còn lại (ngoài giấy chứng nhận nêu trên) thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 60, diện tích 43,9m²; phần đất thuộc giấy chứng nhận số 00183 cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh T ngày 08/10/2022, tại thửa 73 tờ số 9 (cũ) diện tích 8,6m²

Phần đất tranh chấp giữa bà Lê Thị L3 với ông Nguyễn Thanh T, diện tích 32,1m² có: phần đất thuộc giấy CNQSD đất số DĐ660752 cấp cho bà Lê Thị L3 ngày 06/7/2021 tại thửa 84, tờ số 60, diện tích 1,9m²; phần đất còn lại (ngoài giấy chứng nhận nêu trên) thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 60, diện tích 2,3m²; phần đất thuộc giấy chứng nhận số 00183 cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh T ngày 08/10/2022, tại thửa 73 tờ số 9 (cũ) diện tích 27,9m².

Phần đất tranh chấp giữa vợ chồng ông L1, bà D với ông Nguyễn Thanh T, diện tích 50,4m² có: phần đất thuộc giấy chứng nhận số 00183 cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh T ngày 08/10/2022, tại thửa 73 tờ số 9 (cũ) diện tích 28,8m²; phần đất còn lại (ngoài giấy chứng nhận nêu trên) thuộc thửa 82 tờ bản đồ số 60, diện tích 21,6m².

[2.2] Cấp sơ thẩm có công văn đề nghị Ủy ban nhân dân Phường E cung cấp thông tin về thửa đất tranh chấp. Tại công văn số 630/UBND-KT ngày 06/8/2024 của Ủy ban nhân dân Phường E phúc đáp có nội dung: “Theo hệ thống bản đồ năm 1994 thì vị trí thửa đất số 82, tờ bản đồ số 60 được thể hiện là đường đi. Theo hệ thống bản đồ năm 2006 thì vị trí thửa đất số 82, tờ bản đồ số 60 được thể hiện là nương. Theo hệ thống bản đồ năm 2017 thì vị trí thửa đất số 82, tờ bản đồ số 60 được ông Nguyễn Thanh T đăng ký, kê khai chủ sử dụng đất. Từ năm 2008 trở về trước thì một phần đất tại vị trí thửa đất số 82, tờ bản đồ số 60 có tồn tại nương thoát nước, có chiều rộng khoảng 1,50m. Con nương này do ông Nguyễn Văn L2 đào để lòi lúa, sau khi ông L2 nghỉ canh tác lúa thì con nương này dùng để thoát nước, sinh hoạt của các hộ dân tại khu vực này”.

Giai đoạn phúc thẩm, Ủy ban nhân dân Phường E có Công văn số 225/UBND-KT ngày 27/5/2025 trả lời Tòa án: “Ông Nguyễn Văn L2 đào nương trên đất của gia đình do cha ông là ông Bảy R1 để lại và dùng để phục vụ cho việc vận chuyển lúa của bà con trong vùng, sau này người dân không canh tác và vận chuyển lúa nên

con mương chỉ để thoát nước chung. Các hộ dân thuộc dãy nhà ở đường C (bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 ...) và ông Nguyễn Thanh T sử dụng mương để thoát nước”.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm: Bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 là yêu cầu ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh K chấm dứt hành vi cản trở và trả lại mương thoát nước có diện tích ngang một đầu khoảng 5,9m, một đầu ngang 6,3m và dài 27,5m, tổng diện tích khoảng 173,25m², tại các thửa đất 20, 22, 23, 24, tờ bản đồ số 60 tại Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Tại phiên tòa sơ thẩm các đồng nguyên đơn có sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Văn K1 tháo dỡ hàng rào đã bao chiếm mương công cộng làm của riêng để trả lại hiện trạng ban đầu ngang 1,5m dài 26m, diện tích 39m², tại thửa 82, tờ bản đồ số 60, tại khóm C, Phường E, thành phố B và chấm dứt hành vi ngăn cản thoát nước ra mương công cộng. Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn xác định: yêu cầu ông T, ông K1 và gia đình tháo dỡ hàng rào bao chiếm mương công cộng làm của riêng để trả lại mương Nhà nước theo hiện trạng ban đầu ngang khoảng 1,5m x dài 26m tại thửa 82 tờ bản đồ số 60 tọa lạc tại Khóm C, Phường E, thành phố B; Buộc ông T, ông K1 chấm dứt hành vi ngăn cản các ông bà thoát nước ra mương công cộng; buộc gia đình ông T, ông K1 không đập phá đường ống thoát nước của gia đình bà D hiện đang thoát ra công thoát nước của Nhà nước phía sau nhà bà D. Như vậy, các nguyên đơn xác định phần đất tranh chấp là mương công cộng theo bản đồ địa chính thành lập năm 1994 và năm 2006 và thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ bà Lý Thị L, bà Lê Thị C và ông Trần Thanh T1 (ông Trần Thanh T1 được cấp quyền sử dụng đất thửa 62, tờ bản đồ số 09 vào ngày 20/4/2001 và thửa 384, tờ bản đồ số 09 vào ngày 13/4/2001 và 02 thửa đất này đều chuyển nhượng cho bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 vào ngày 18/3/2016). Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với các thông tin và tài liệu do Ủy ban nhân dân Phường E cung cấp. Do đó, có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp có giai đoạn là con mương, các hộ dân lân cận đã sử dụng con mương để lòi lúa, thoát nước như nguyên đơn và Ủy ban phường E xác định. Tuy nhiên, các nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp là mương công cộng, bị đơn lấn chiếm mương làm của riêng nên khởi kiện buộc bị đơn phải trả mương cho Nhà nước. Như vậy, nội dung khởi kiện của nguyên đơn là buộc bị đơn trả mương nước cho Nhà nước, không phải yêu cầu tranh chấp mương nước thuộc quyền sử dụng của ai nên không phải là tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự như cấp sơ thẩm xác định.

[2.4] Mặt khác, tại Điều 12 Luật đất đai 2013 và khoản 1, 2 Điều 3 Nghị định 91/2019/NĐ-CP (thay thế bởi: Nghị định 123/2024/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định về hành vi lấn, chiếm và xây dựng trái phép trên đất công cộng; Điều 208 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về “Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai”: “1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những vi phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai tại địa phương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời việc chuyển quyền sử dụng đất trái phép, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép; phát hiện, áp dụng biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời việc xây dựng các công trình trên đất lấn, chiếm, đất sử dụng không đúng mục đích ở địa phương và buộc người có hành vi vi phạm khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm”.

Cá nhân, tổ chức phát hiện hành vi lấn chiếm đất công, đất của cá nhân, tổ chức mình, xây dựng trái phép trên đó, lấn, chiếm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp thì cá nhân, tổ chức đó có quyền thực hiện thủ tục tố cáo các hành vi trên tại Ủy ban nhân dân cấp xã, phường có thẩm quyền giải quyết. Đối chiếu yêu cầu của các nguyên đơn thể hiện tại đơn khởi kiện là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Đáng lẽ, khi xem xét đơn khởi kiện của các nguyên đơn thì tòa án phải trả lại đơn khởi kiện theo quy định tại điều 192. Trường hợp đã thụ lý vụ án thì phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 217 BLTTDS nhưng cấp sơ thẩm vẫn thụ lý đơn khởi kiện, xem xét và giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cấp phúc thẩm căn cứ khoản 4 Điều 308 và Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy Bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D và ông Tống Xuân L1; có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu và đình chỉ giải quyết vụ án.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 308, Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc và định giá: Các nguyên đơn bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 phải chịu là 18.034.838 đồng (*Mười tám triệu, không trăm ba mươi bốn ngàn, tám trăm ba mươi tám đồng*). Bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch: Bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 không phải chịu theo quy định.

3.2. Án phí phúc thẩm: Bà Lý Thị L, bà Lê Thị C, bà Phạm Thị D, ông Tống Xuân L1 không phải chịu theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố Bạc Liêu;
- CCTHADS thành phố Bạc Liêu;
- Dương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giang Thị Cẩm Thúy